

Bản án số: 154 /2025/ HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 6 -2025

“V/v Ly hôn giữa anh T và chị T1”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **TRẦN VĂN NHU**

*- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Anh **Ngô Bá T**, sinh ngày 16/10/1991.*

Địa chỉ: số 790, tổ 17, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn: Chị **Trương Thị T1**, sinh ngày 15/10/1990.*

Địa chỉ: tổ 17, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên lạc: xóm C1, làng H, xã Y, huyện Y1, tỉnh Nam Định.

(Anh T, chị T1 xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn anh **Ngô Bá T** trình bày:* Anh và chị T1 do quen biết và tiến đến hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung.

Con chung: Anh chị có 03 con chung tên Ngô Yến V, sinh ngày 09/9/2016; Ngô Trọng N, sinh ngày 26/8/2019 và Ngô Minh T2, sinh ngày 27/12/2021. Hiện cháu V và N đang sống cùng anh, còn cháu Tuấn sống cùng chị T1.

Tài sản chung, nợ chung không có.

Anh T yêu cầu được ly hôn chị T1. Con chung anh yêu cầu nuôi cháu Ngô Yến V và Ngô Trọng N, giao chị T1 nuôi cháu Ngô Minh T2 không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Bị đơn chị Trương Thị T1 tại tờ tự khai trình bày: Chị đồng ý ly hôn với anh T vì vợ chồng sống chung mâu thuẫn, không hoà hợp. Con chung chị yêu cầu nuôi cháu Ngô Minh T2, còn cháu Ngô Yến V, Ngô Trọng N để cho anh T nuôi, không cần cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn chị T1, yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn anh Ngô Bá T và chị Trương Thị T1 đều có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do bận đi làm, không thể đến Tòa án nhiều lần. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh T và chị T1 tiến đến hôn nhân năm 2012 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường hay cãi nhau. Anh T xác định không còn tình cảm với chị T1 kiên quyết ly hôn. Đối với chị T1 cũng có bản tự khai đồng ý ly hôn với anh T. Toà án cũng tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng cả hai anh chị không đồng ý hoà giải và có đơn xin vắng mặt. Từ đó cho thấy anh

chị không thiết tha hàn gắn với nhau, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho anh T được ly hôn với chị T1 là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 03 con chung Ngô Yến V, sinh ngày 09/9/2016; Ngô Trọng N, sinh ngày 26/8/2019 và Ngô Minh T2, sinh ngày 27/12/2021. Hiện cháu V và N đang sống cùng anh T, còn cháu T2 sống cùng chị T1. Anh chị có ý kiến thống nhất cháu V và cháu N sẽ do anh T nuôi, còn cháu T2 do chị T1 nuôi. Xét thấy, con chung được anh chị chia ra chăm sóc nuôi dưỡng từ lúc ly thân đến giờ cháu vẫn phát triển bình thường. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung, tôn trọng ý kiến của các bên đương sự, nguyện vọng của con và điều kiện chăm sóc của mỗi bên nên Hội đồng xét xử giao cháu V và cháu N sẽ do anh T nuôi, còn cháu T2 do chị T1 nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ngô Bá T.

1. Về hôn nhân: Cho anh Ngô Bá T được ly hôn với chị Trương Thị T1.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Ngô Yến V, sinh ngày 09/9/2016 và Ngô Trọng N, sinh ngày 26/8/2019 cho anh Ngô Bá T tiếp tục nuôi dưỡng.

2.2. Giao con chung tên Ngô Minh T2, sinh ngày 27/12/2021 cho chị Trương Thị T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con ai.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Anh Ngô Bá T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001630 ngày

07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

